

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2025/DS-ST
Ngày : 31/3/2025
V/v "tranh chấp hợp đồng
tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Mai Thị Thu Dung
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Thị Thu Hương
2. Bà Lê Thị Hải
- **Thư ký phiên tòa** : Bà Bùi Thị Thước
- là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận** tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1245/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TPHCM

Đại diện: Ông Nguyễn Hoàng Q, Giấy ủy quyền số 2629/2024/UQ-TGD ngày 23/12/2024 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Hồ Mai T sinh năm: 1995

Địa chỉ: F T, Phường E, quận P, TP HCM.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2024 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (có ông Nguyễn Hoàng Q đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 18/4/2022, bà Hồ Mai T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, hạn mức sử dụng là hạn mức tín dụng là 3(ba mươi triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
Visa	436438 - 3047	30.000.000	18/4/2022	2.482%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T1 hiện các giao dịch với tổng số tiền là 169.151.835 (*một trăm sáu mươi chín triệu một trăm năm mươi một ngàn tám trăm ba mươi lăm*) đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (mục 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà T1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong mục 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T2 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 143.780.005 đồng.

Chi tiết lãi, phí và những lần bà T thanh toán cho Ngân hàng thẻ hiện chi tiết trong bảng sao kê đã nộp cho Tòa án.

Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo mục 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước;
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T3 không có thiện chí trả nợ. Do bà T4 nghĩa vụ thanh toán (mục 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 06/10/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (mục 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc tại thời điểm nộp đơn khởi kiện là 38.259.327 (*ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi chín ngàn ba trăm hai mươi bảy*) đồng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Do bà T5 phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà T6 số tiền còn thiếu tính tạm đến ngày 12/02/2025 là 61.809.407 (*sáu mươi một triệu tám trăm lẻ chín ngàn bốn trăm lẻ bảy*) đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 38.259.327 đồng;
- Nợ lãi: 23.550.080 đồng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 13/02/2025 trở đi cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Hồ Mai T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.* Đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bổ sung phần tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2025). Cụ thể:

Yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 64.040.967 (sáu mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 38.259.327 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 25.781.640 đồng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng.

- *Bị đơn vắng mặt không lý do.*

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã có thực hiện việc giao kết Hợp đồng sử dụng thẻ Tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bảng sao kê lịch sử thanh toán thẻ tín dụng của bị đơn, có đủ căn cứ để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 38.259.327 (*ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi chín ngàn ba trăm hai mươi bảy*) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 18/4/2022 có chữ ký xác nhận của bà T thể hiện nội dung hạn mức cấp tín dụng là 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ giao dịch bằng hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo bản sao kê giao dịch do Ngân hàng cung cấp thể hiện, từ ngày 06/10/2023, bà T không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Như vậy, căn cứ vào mục 24.4 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (đơn vị phát hành thẻ), Ngân hàng có quyền chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc 38.259.327 (*ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi chín ngàn ba trăm hai mươi bảy*) đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi 25.781.640 (*hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi*) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại mục 1.24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (đơn vị phát hành thẻ) quy định mức lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Ngoài ra, tại mục 23.2 của Bản điều khoản

nêu trên thể hiện Ngân hàng có quyền thay đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo Quyết định của mình mà không thông báo trước cho chủ thẻ.

Như vậy, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 31/3/2025 là 25.781.640 (*hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi*) đồng theo đúng bảng tóm tắt sao kê mà nguyên đơn lập là có căn cứ để chấp nhận.

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền lãi từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/4/2022.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

[4]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 3.202.048 (*ba triệu hai trăm lẻ hai ngàn không trăm bốn mươi tám*) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bị đơn bà Hồ Mai T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 64.040.967 (*sáu mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi bảy*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 38.259.327 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 25.781.640 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Hồ Mai T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/4/2022.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Bà Hồ Mai T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 3.202.048 (*ba triệu hai trăm lẻ hai ngàn không trăm bốn mươi tám*) đồng.

- Ngân hàng TMCP S được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.335.000 (*một triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0055057 ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THADS Q.PN;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Dung